

Số: 206 /BC-TT

Đồng Nai, ngày 08 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính năm 2022

Thực hiện Văn bản số 1834/SNV-TT ngày 23/5/2022 của Sở Nội vụ về việc V/v hướng dẫn báo cáo cải cách hành chính định kỳ; Thanh tra tỉnh báo cáo kết quả thực hiện năm 2022, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

Thực hiện các kế hoạch về cải cách hành chính của UBND tỉnh (*Kế hoạch số 16341/KH-UBND ngày 28/12/2021 về cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2022, Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 11/01/2022 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 20/01/2022 về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2022; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 20/01/2022 về thông tin, tuyên truyền kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 và Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 25/01/2022 về Thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022*), Chánh Thanh tra tỉnh đã triển khai đến toàn thể công chức của cơ quan biết về nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác Cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; đồng thời, Thanh tra tỉnh đã Kế hoạch về cải cách hành chính nhằm cụ thể hóa và thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong cơ quan. Cụ thể:

Kế hoạch số 04/KH-TT ngày 14/01/2022 về Cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 05/KH-TT ngày 14/01/2022 về Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; Kế hoạch số 15/KH-TT ngày 27/01/2022 về rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2022; Kế hoạch số 18/KH-TT ngày 28/01/2022 về Thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; Kế hoạch số 19/KH-TT ngày 08/02/2022 về thông tin, tuyên truyền kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022.

Đánh giá: Trong năm 2022, Thanh tra tỉnh đã hoàn thành 35/35 nhiệm vụ kế hoạch của năm 2022, đạt tỷ lệ 100%.

2. Về thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

Căn cứ nhiệm vụ kế hoạch về cải cách hành chính, Thanh tra tỉnh tiến hành rà soát, kiểm tra việc nhập liệu, quản lý thông tin trên các phần mềm được ứng dụng trong hoạt động ngành, của cơ quan, cụ thể:

a) Trong nội bộ Thanh tra tỉnh:

- Tiếp tục cập nhật thông tin, rà soát dữ liệu tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên Phần mềm Tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại,

tổ cáo đến hết tháng 8/2022. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 8247/UBND-KGVX ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thử nghiệm phần mềm Quản lý công tác thanh tra, Thanh tra tỉnh thực hiện tập huấn, triển khai thử nghiệm phần mềm trong từ tháng 9/2022 đến hết tháng 02/2023 trên địa bàn toàn tỉnh. Qua đó, tạm dừng việc cập nhật thông tin, rà soát dữ liệu tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên Phần mềm Tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Kiểm tra phần mềm giải quyết chông chéo trong hoạt động thanh tra: Thanh tra tỉnh đã thực hiện xong công tác xử lý chông chéo trong hoạt động thanh tra do các đơn vị gửi về của Ngành Thanh tra tỉnh Đồng Nai.

- Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, điều hành công việc tại cơ quan: Thanh tra tỉnh đã lập Kế hoạch số 31/KH-TT ngày 17/02/2022 về Phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của Thanh tra tỉnh năm 2022.

- Cập nhật thông tin số liệu báo cáo công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo và PCTN của Ngành Thanh tra tỉnh định kỳ lên Hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia Thanh tra Chính phủ.

b) Đối với Thanh tra cấp huyện, Thanh tra sở:

- Thanh tra tỉnh tiếp tục rà soát việc cập nhật thông tin dữ liệu của các đơn vị lên phần mềm tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo đến hết tháng 8/2022; từ tháng 9/2022, đôn đốc việc nhập liệu trên phần mềm Quản lý công tác thanh tra.

- Thanh tra tỉnh thực hiện rà soát, xử lý việc trùng lặp, chông chéo kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các đơn vị, kịp thời xử lý các vấn đề nếu phát sinh thêm các cuộc thanh tra trong kế hoạch (nếu có).

c) Ban Tiếp công dân cấp huyện

Thanh tra tỉnh tiếp tục rà soát việc cập nhật thông tin dữ liệu của các đơn vị lên phần mềm tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo đến hết tháng 8/2022; từ tháng 9/2022, đôn đốc việc nhập liệu trên phần mềm Quản lý công tác thanh tra.

Thông tin cụ thể về việc triển khai kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC, đơn vị thực hiện theo bảng sau:

Tên đơn vị, bộ phận trực thuộc được thanh tra, kiểm tra	Thời gian thực hiện	Nội dung thanh tra, kiểm tra	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra
Các phòng thuộc Thanh tra tỉnh	Trước ngày 05 hàng tháng	<ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra việc cập nhật phần mềm tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo; + Kiểm tra việc cập nhật phần mềm giải quyết chông chéo trong hoạt động thanh tra; + Kiểm tra việc cập nhật thông tin của công chức trên phần mềm quản lý ngành Nội vụ; + Việc tổ chức niêm yết thủ tục hành chính, công khai số điện thoại đường dây nóng theo quy định; + Kết quả thực hiện cải cách hành chính tại các phòng của cơ quan, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác được giao theo các Chương trình, Kế hoạch cải cách hành chính của UBND tỉnh. 	
<i>Thanh tra cấp huyện, Thanh tra sở</i>	Trước ngày 05 hàng tháng	<ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra việc cập nhật phần mềm tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo (Phần mềm Quản lý công tác Thanh tra); + Kiểm tra việc cập nhật phần mềm giải quyết chông 	Đã hỗ trợ cho các đơn vị gặp khó khăn trong qua trình sử dụng phần mềm

		chéo trong hoạt động thanh tra;	
<i>Ban Tiếp công dân cấp tỉnh và cấp huyện</i>	Trước ngày 05 hàng tháng	Kiểm tra việc cập nhật phần mềm tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo; (Phần mềm Quản lý công tác Thanh tra)	

3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

Trong kỳ, căn cứ Kế hoạch số 18/KH-TT ngày 28/01/2022 về Thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 của Thanh tra tỉnh, Thanh tra tỉnh đã tiến hành thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.

Ngoài ra, trong quá trình tiếp công dân, đối thoại với công dân, bộ phận tiếp dân kết hợp phổ biến, hướng dẫn người dân biết về chức năng nhiệm vụ của Trung tâm hành chính công của tỉnh trong việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đối với thủ tục hành chính 1 cửa. Kết quả thực hiện như sau:

Nhiệm vụ	Nội dung tuyên truyền	Hình thức tuyên truyền	Số lượng	Phòng thực hiện
CCHC	Công tác cải cách hành chính trên Trang thông tin điện tử	Cổng Thông tin CCHC của tỉnh; trang thông tin điện tử của đơn vị	04 KH – 3 BC	Văn phòng (Công chức phụ trách CNTT); phối hợp với các phòng thuộc Thanh tra tỉnh
	Tiếp tục công khai các thủ tục hành chính, kết quả hoạt động thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trên Trang thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh (chuyên mục Thông tin – Báo cáo, Hoạt động thanh tra)	Trang thông tin điện tử của đơn vị	65 Kết quả giải quyết khiếu nại tố cáo, 22 thông tin có liên quan đến hoạt động Thanh tra	Văn phòng

4. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Trong kỳ, Thanh tra tỉnh chưa có sáng kiến cải cách hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

Trong kỳ, Thanh tra tỉnh không có nhiệm vụ tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

b) Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật:

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra tỉnh đã tiến hành rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Đồng Nai (thay thế Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

c) Công tác tổ chức theo dõi thi hành pháp luật:

- Thực hiện góp ý đầy đủ, chính xác, đảm bảo đúng thời gian quy định các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành của tỉnh gửi đến.

- Tổ chức tự kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật. Phối hợp với Sở Tư pháp kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật khi có yêu cầu và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh do cơ quan Thanh tra tỉnh tham mưu đề thay thế, bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ theo quy định của pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1 Công tác công khai thủ tục hành chính và đơn giản hóa thủ tục hành chính:

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ; Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ; Thanh tra tỉnh đã rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Thanh tra, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

Việc tổ chức cập nhật thông tin các thủ tục hành chính đã được công bố sửa đổi, bổ sung về thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử Thanh tra tỉnh và Cổng thông tin điện tử về cải cách hành chính của tỉnh được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định pháp luật; Việc niêm yết, công khai và việc thực hiện thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp công dân đã tổ chức niêm yết các thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố và các quy định, quy trình tiếp công dân tại bộ phận tiếp công dân thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định pháp luật.

Việc thực hiện các báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện đầy đủ theo chế độ báo cáo quy định.

2.2 Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

Do chức năng nhiệm vụ của ngành Thanh tra có đặc thù riêng, nên Thanh tra tỉnh không tham gia thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông của tỉnh và không tham gia Trung tâm hành chính công của tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Thanh tra tỉnh tham mưu UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Đồng Nai; theo đó, cơ cấu tổ chức mới của Thanh tra tỉnh gồm có 05 phòng (Văn phòng, Phòng Nghiệp vụ 1, Phòng Nghiệp vụ 2, Phòng Nghiệp vụ 3, Phòng Nghiệp vụ 4), ngày 25/5/2022, Thanh tra tỉnh đã ban hành Quy chế làm việc; từ ngày 01/6/2022, Thanh tra tỉnh đã hoàn tất việc thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức mới và đi vào hoạt động hiệu quả hơn so với trước đây.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức:

Căn cứ biên chế được giao năm 2022 theo Quyết định 5292/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai, Thanh tra tỉnh ban hành Quyết định số 13/QĐ-TT ngày 20/01/2022 về phân bổ biên chế công chức của Thanh tra tỉnh năm 2022.

Trong năm 2022, Thanh tra tỉnh được giao 35 biên chế công chức; đang sử dụng 34 biên chế; còn thiếu 01 biên chế, Thanh tra tỉnh đang đăng ký tuyển bổ sung thêm 01 biên chế, đảm bảo đủ biên chế để phân công công tác và góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Kết quả thực hiện các quy định phân cấp theo chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh (Kế hoạch số 482/KH-UBND ngày ngày 13/01/2020; Kế hoạch 8843/KH-UBND ngày 23/9/2016 của UBND tỉnh các văn bản quy phạm pháp luật khác).

Thanh tra tỉnh không có đơn vị trực thuộc nên không thực hiện phân cấp; tuy nhiên, căn cứ chức năng nhiệm vụ, Thanh tra tỉnh là cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tại các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Thực hiện các quy định về quản lý công chức

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm: Thanh tra tỉnh vẫn tiếp tục thực hiện Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Bản mô tả công việc và vị trí việc làm của Thanh tra tỉnh. Sau khi có hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn vị trí việc làm chuyên ngành thanh tra, Thanh tra tỉnh xây dựng Đề án vị trí việc làm mới để trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Kết quả thực hiện các quy định, số lượng bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức: Trong năm 2022, Thanh tra tỉnh đã điều động, bổ nhiệm 02 công chức lãnh đạo cấp phòng (01 trưởng phòng và 01 phó trưởng phòng giao phụ trách phòng); bổ nhiệm mới 01 phó trưởng phòng.

- Đánh giá chất lượng đội ngũ công chức của Thanh tra tỉnh:

Về trình độ chuyên môn 100% công chức Thanh tra tỉnh có trình độ đại học trở lên (20 Thạc sĩ và 14 cử nhân), được đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ phù hợp với vị trí công tác và tiêu chuẩn ngạch (01 Thanh tra viên cao cấp; 08 Thanh tra viên chính; 20 thanh tra viên; 04 chuyên viên; 01 cán sự). Nhìn chung, đội ngũ công chức Thanh tra tỉnh đảm bảo chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng tình hình nhiệm vụ được giao.

b) Tình hình triển khai, quán triệt về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính

Thanh tra tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 28/9/2016 của UBND tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 01/2021/TT-TTCP ngày 11/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc quy định Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Thanh tra và cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân.

Ngày 01/06/2022, Chánh Thanh tra tỉnh đã ban hành Quyết định số 86/QĐ-TT nhằm kiện toàn Tổ kiểm tra công vụ nội bộ cơ quan để thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức cơ quan.

Ngày 31/8/2022, Chánh Thanh tra ban hành Quyết định số 139/QĐ-TT ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, công vụ các phòng thuộc Thanh tra tỉnh để làm căn cứ chấm điểm giữa các phòng trong việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính.

c) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng công chức

Thanh tra tỉnh đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 08/KH-TT ngày 19/01/2022 về Đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn nghiệp vụ chuyên môn năm 2022; Quyết định số 48/QĐ-TT ngày 31/3/2022 ban hành Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức của Thanh tra tỉnh. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng trong năm 2022, Thanh tra tỉnh cử 01 công chức tham gia lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp; 01 công chức lãnh đạo tham gia bồi dưỡng lớp an ninh quốc phòng đối tượng 2; 01 công chức tham gia bồi dưỡng lớp an ninh quốc phòng đối tượng 3; 01 công chức tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng; 03 công chức tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ,

quyền hạn; 02 công chức tham gia khoá Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng (khóa 1); 03 công chức tham gia khoá Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở; 12 công chức tham gia lớp Bồi dưỡng ngạch Thanh tra viên chính; 02 công chức tham gia lớp Bồi dưỡng ngạch Thanh tra viên.

Đồng thời, đã gửi danh sách đăng ký 01 công chức tham gia khoá Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở; 02 công chức tham gia khoá Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng; 02 công chức tham gia lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính; 06 công chức lớp hoàn chỉnh cao cấp chính trị.

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ, Thanh tra tỉnh đã thực hiện khoán kinh phí quản lý hành chính; Ngày 01/7/2022, Thanh tra tỉnh đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-TT về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan (thay thế Quyết định số 77/QĐ-TT ngày 21/5/2021).

Việc quản lý sử dụng kinh phí tại cơ quan thực hiện theo Luật Ngân sách, chế độ quản lý tài chính hiện hành và Quy chế Chi tiêu nội bộ của cơ quan.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Trong kỳ, Thanh tra tỉnh đã xây dựng và ban hành đầy đủ các kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; báo cáo việc ứng dụng công nghệ thông tin; báo cáo tình hình việc trao đổi văn bản điện tử của cơ quan.

Duy trì hoạt động tốt Trang thông tin điện tử cơ quan. Thường xuyên cập nhật tin, bài viết trên Trang thông tin điện tử đúng theo quy định; Duy trì, sử dụng tốt phần mềm quản lý văn bản IO Plus, thực hiện 100% việc trao đổi văn bản trong nội bộ và trên 90% với các cơ quan khác hoàn toàn dưới dạng điện tử 100% văn bản đi, đến dưới dạng điện tử (trừ các văn bản mật, văn bản gửi nhận từ các đơn vị, cá nhân không nằm trong hệ thống trực liên thông).

100% lãnh đạo sử dụng chữ ký số để ký các công văn trong thẩm quyền.

Thực hiện việc ứng dụng các phần mềm khác đang được triển khai tại đơn vị; đồng thời thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các công chức thực hiện các phần mềm theo quy định.

Thường xuyên cập nhật các quy trình nội bộ của cơ quan theo chuẩn ISO 9001:2015.

Thực hiện chủ trương chung của tỉnh về chuyển đổi số, ngày 15/9/2022, Thanh tra tỉnh đã ban hành Công văn số 1877/TT-VP về việc đăng ký danh mục dự án đầu tư chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Cấp ủy, Thủ trưởng cơ quan thường xuyên quan tâm chú trọng đến công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính xem đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác của ngành.

- Thủ trưởng cơ quan đã thực hiện tốt quy định về trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện chức trách, công vụ của công chức; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong việc giám sát thực hiện chính sách pháp luật, chế độ chính sách đối với công chức, nhân viên thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động chi tiêu tài chính.

2. Hạn chế:

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 8247/UBND-KGVX ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thử nghiệm phần mềm Quản lý công tác thanh tra, Thanh tra tỉnh thực hiện tập huấn, triển khai thử nghiệm phần mềm trong từ tháng 9/2022 đến hết tháng 02/2023 trên địa bàn toàn tỉnh. Qua đó, tạm dừng việc cập nhật thông tin, rà soát dữ liệu tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên Phần mềm Tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tuy nhiên do phần mềm Quản lý công tác thanh tra mới được triển khai, một số tính năng của phần mềm chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế tại cơ quan, cần có sự phối hợp bổ sung chỉnh sửa phần mềm trong thời gian tới.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Tiếp tục hoàn tất thực hiện các công việc tồn đọng theo kế hoạch cải cách hành chính trong năm 2022 và các kế hoạch khác có liên quan. Xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm 2023.

2. Cải cách thể chế

Tiếp tục tham mưu thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị bãi bỏ các văn bản của ngành không còn phù hợp, hết hiệu lực hoặc trái pháp luật hiện hành (nếu có).

3. Cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục rà soát đánh giá thủ tục hành chính của cơ quan; thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính của Chính phủ theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

Ngoài ra, đơn vị tiến hành rà soát, đối chiếu, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP của các bộ, ngành và kết quả thực hiện các nhiệm vụ tương ứng tại đơn vị, địa phương theo kế hoạch, cũng như tiến hành rà soát các nội dung theo Báo cáo số 314/BC-VPCP ngày 10/01/2018.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

Trên cơ sở Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 15/04/2022 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Đồng Nai tiếp tục

thực hiện cơ cấu tổ chức theo quy định mới, kiện toàn lãnh đạo cấp phòng để ổn định tổ chức, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

5. Cải cách chế độ công vụ

Sau khi Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư Hướng dẫn vị trí việc làm chuyên ngành Thanh tra và định mức biên chế công chức các cơ quan Thanh tra, Thanh tra tỉnh sẽ căn cứ thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định; tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong quản lý cán bộ, công chức; tiếp tục xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức; thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng để đạt tiêu chuẩn chức danh chuyên môn; kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức trong cơ quan theo chương trình kế hoạch năm; thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công vụ của các phòng, trên cơ sở đó trình hồ sơ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, công vụ cơ quan gửi về Sở Nội vụ.

6. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 quy định sửa đổi một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

Thực hiện đúng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 ban hành kèm theo Quyết định số 100/QĐ-TT. Xây dựng quy trình mua sắm, quản lý tài sản nhằm đảm bảo việc mua sắm, sử dụng tài sản tiết kiệm, hiệu quả.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để bảo đảm an ninh thông tin, cũng như ban hành các Quy chế có liên quan trong việc sử dụng, ứng dụng các phần mềm trong thời gian tới.

8. Thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính

Tiếp tục triển khai quán triệt các văn bản của Trung ương, UBND tỉnh có liên quan đến cải cách hành chính; thông tin, tuyên truyền các nội dung cải cách hành chính trên Trang thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh và Trang thông tin Cải cách hành chính của tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Thanh tra tỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- BLD Thanh tra tỉnh;
- Các phòng Nghiệp vụ;
- Lưu VT, VP (T.Anh).

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Nguyễn Xuân Hà

PHỤ LỤC*(Đính kèm Báo cáo số...../BC-TT ngày tháng 11 năm 2022)***Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	0	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100%	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	35	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	35	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	17	
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	11	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	1	khó khăn trong việc sử dụng phần mềm
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	1	
4.	Truyền thông về CCHC			
4.1	Tin bài viết về CCHC, KSTTHC	Tin bài	5	
4.2	Chương trình truyền hình, phát thanh	Chương trình	0	
4.3	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do đơn vị tham mưu ban hành/ UBND cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL		0	
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC (Các sở, ban ngành)			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	6	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	18	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	0	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>0</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>0</i>	
3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>	
3.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Đã ban hành quy định về tổ chức bộ máy sau sắp xếp, kiện toàn	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0	1	
1.2.	Đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Đã hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	
1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>0</i>	
1.3.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>0</i>	
1.3.3.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	<i>%</i>	<i>0</i>	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	35	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	34	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10%	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	0	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Đơn vị, địa phương đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Đã phê duyệt = 1 Chưa phê duyệt = 0	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	2	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	1	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	1	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
3.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
3.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
4.	Thực hiện Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng			
4.1	Số công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng các lớp cao cấp, trung cấp chính trị	Người	2	1 lớp CCCT 1 lớp TCCT
4.2.	Số công chức, viên chức được đào tạo bồi dưỡng các lớp nghiệp vụ, tập huấn từ 05 ngày trở lên	Người	22	
5.	Số liệu về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công			

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	chức, viên chức lãnh đạo quản lý			
5.1.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người	4	
5.2.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.3.	Số lượng bổ nhiệm thông qua thi tuyển	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (đối với UBND cấp huyện)	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập thuộc đơn vị, địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thông kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Kết nối vận hành Hệ thống hợp trực tuyến với cấp tỉnh	Chưa có = 0 Đã kết nối = 1	0	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (nếu có)	%		
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của đơn vị, địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	0	
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	0	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	0	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	0	
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	0	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	0	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	0	
	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục	0	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	0	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	0	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	0	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	
	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>0</i>	
	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>0</i>	